

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1TS**
Mã MH/MĐ: **MH08286**
Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**
Số TC: **8**

Năm học: **23-24**

Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997				9	9.0	9.0			9.0		9.0
2	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982				9.5	9.0	9.0			9.0		9.0
3	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962				8.5	9.0	9.0			9.0		9.0
4	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972				8.5	9.0	9.0			9.0		9.0
5	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985				9	8.0	8.0			8.0		8.1
6	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988				8	8.0	8.0			8.0		8.0
7	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001				8	9.0	9.0			9.0		8.9
8	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993				9	9.0	9.0			9.0		9.0
9	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992				9.5	9.0	9.0			9.0		9.0
10	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988				9.5	9.0	9.0			9.0		9.0
11	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973				9	9.0	9.0			9.0		9.0
12	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001				9	9.0	9.0			9.0		9.0
13	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001				9	9.0	9.0			9.0		9.0
14	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968				9	9.0	9.0			9.0		9.0

Châu Đốc, ngày 23 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà